TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-ST
Ngày: 21/6/2018.
"*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mưng Niê.
2. Ông Trần Văn Hạ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2017 về việc; "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-DS ngày 10/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

+ Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch Hội đồng thành viên

Địa chỉ: Số …. L, quận B, thành phố Hà Nội.

+ Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn T – Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh L - Đắk Lắk (văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014).

+ Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Hải N – Cán bộ pháp chế phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N, chi nhánh L - Đắk Lắk (văn bản ủy quyền sô 01/2018-GUQ ngày 04/01/2018) – có mặt.

Địa chỉ: Số ….. L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên toà đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Hải N trình bày:

Vào ngày 21/11/2013, vợ chồng ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T ký kết hợp đồng tín dụng số 5228-LAV-201300588 với Ngân hàng N chi nhánh K, Đắk Lắk (*nay là*

Ngân hàng N, chi nhánh L, Đắk Lắk, theo Thông báo của Ngân hàng N, chi nhánh tỉnh Đắk Lắk số 2013/NHNo-TCCB ngày 29/9/2015 về việc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch Đ trực thuộc Ngân hàng N chi nhánh tỉnh Đắk Lắk và thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở Ngân hàng N, chi nhánh K), để vay vốn với số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), với lãi suất 13%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, thời hạn vay 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 20/11/2014. Mục đích vay mua sắm vật dụng gia đình, sửa chữa nhà ở và kinh doanh cửa sắt, nhôm.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 5228-LAV-201300588 là quyền sử dụng đất kèm theo giấy CNQSDĐ số AI 669768, thửa đất số 452, tờ bản đồ số 06, diện tích 2.430m^2 do UBND huyện K cấp ngày 30/7/2007 đứng tên ông Ngô Văn N. Theo hợp đồng thế chấp số N0141/2012/HĐTC ngày 13/11/2012 và phụ lục hợp đồng thế chấp số N0141/2012/HĐTC-PL ngày 21/11/2013.

Vào ngày 22/11/2013 vợ chồng ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng số 5228-LAV-201300591 với Ngân hàng N, chi nhánh K, Đắk Lắk (nay là chi nhánh L) để vay vốn với số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), với lãi suất 13%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, thời hạn vay 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 21/11/2014. Mục đích vay chăm sóc cà phê, chăn nuôi.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 5228-LAV-201300591 là quyền sử dụng đất kèm theo giấy CNQSDĐ số BA 737944, thửa đất số 325, tờ bản đồ số 07, diện tích 250m^2 do UBND huyện Krông Búk cấp ngày 23/9/2011 đứng tên ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T. Theo hợp đồng thế chấp số N0141/ 2012/HĐTC ngày 11/12/2012 và phụ lục hợp đồng thế chấp số N0141/2012/HĐTC-PL ngày 22/11/2013.

Thực hiện hợp đồng: Đến ngày 21/11/2014 là ngày đến hạn trả gốc và lãi nhưng ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T đã vi phạm hợp đồng đã ký kết, không trả gốc và lãi đúng thời hạn. Mặc dù ngân hàng đã làm việc với ông bà nhiều lần để yêu cầu ông bà trả nợ nhưng ông bà không hợp tác và gây khó khăn cho việc thu hồi nợ của Ngân hàng. Do ông N, bà T vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T phải trả toàn bộ số nợ như sau:

Đối với hợp đồng tín dụng số 5228-LAV-201300588 tổng số tiền nợ là 827.652.777 đồng (trong đó tiền gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 327.652.777 đồng) tạm tính đến hết ngày 21/6/2018.

Đối với hợp đồng tín dụng số 5228-LAV-201300591 tổng số tiền nợ là 419.875.001 đồng (trong đó tiền gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 169.875.001 đồng) tạm tính đến hết ngày 21/6/2018.

Tổng toàn bộ cả hai hợp đồng tín dụng là: 1.247.527.778 đồng (trong đó nợ gốc là 750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi qua hạn là 497.527.778 đồng) tạm tính đến hết ngày 21/6/2018 và toàn bộ lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 22/6/2018 cho đến khi ông N, bà T trả hết nợ.

Trường hợp vợ chồng ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N, chi nhánh L, Đắk Lắk được quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản bảo đảm tiền vay tại Hợp đồng thế

chấp số N0141/2012/HĐTC ngày 11/11/2012, Hợp đồng thế chấp số N0141/2012/HĐTC ngày 13/11/2012 theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn là ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông N, bà T không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như hòa giải cho nguyên đơn và bị đơn được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và của những người tham gia tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình đối trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 BLTTDS. Đối với bị đơn ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T đã không thực hiện đầy đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 72 và Điều 234 BLTTDS.

Về giải quyết nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nhận thấy: Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T với Ngân hàng N, chi nhánh L, Đắk Lắk là có thật, Ngân hàng đã giao đủ tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký, ông N, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Ngân hàng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng, buộc bị đơn ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5228-LAV-201300588 ngày 21/11/2013 và hợp đồng tín dụng số 5228-LAV-201300591 ngày 22/11/2013.

Trường hợp vợ chồng ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N, chi nhánh L, Đắk Lắk được quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản bảo đảm tiền vay tại Hợp đồng thế chấp số N0141/2012/HĐTC ngày 11/11/2012, Hợp đồng thế chấp số N0141/2012/HĐTC ngày 13/11/2012 theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là loại việc tranh chấp về dân sự (tranh chấp hợp đồng tín dụng) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và loại việc tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[3]. Về yêu cầu của đương sự nhận thấy rằng: Vào ngày 21/11/2013, vợ chồng ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T ký kết hợp đồng tín dụng số 5228-LAV-201300588 với Ngân hàng N, chi nhánh K, Đắk Lắk (nay là Chi nhánh L) để vay vốn với số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), với lãi suất 13%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, thời hạn vay 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 20/11/2014. Mục đích vay mua sắm vật dụng gia đình, sửa chữa nhà ở và kinh doanh cửa sắt, nhôm.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 5228-LAV-201300588 là quyền sử dụng đất kèm theo giấy CNQSDĐ số AI 669768, thửa đất số 452, tờ bản đồ số 06, diện tích 2.430m^2 do UBND huyện Krông Búk cấp ngày 30/7/2007 đứng tên ông Ngô Văn N. Theo hợp đồng thế chấp số N0141/ 2012/HĐTC ngày 13/11/2012 và phụ lục hợp đồng thế chấp số N0141/2012/HĐTC-PL ngày 21/11/2013.

Vào ngày 22/11/2013 vợ chồng ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng số 5228-LAV-201300591 với Ngân hàng N, chi nhánh K, Đắk Lắk (nay là Chi nhánh L) để vay vốn với số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), với lãi suất 13%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, thời hạn vay 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 21/11/2014. Mục đích vay chăm sóc cà phê, chăn nuôi.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 5228-LAV-201300591 là quyền sử dụng đất kèm theo giấy CNQSDĐ số BA 737944, thửa đất số 325, tờ bản đồ số 07, diện tích 250m^2 do UBND huyện K cấp ngày 23/9/2011 đứng tên ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T. Theo hợp đồng thế chấp số N0141/ 2012/HĐTC ngày 11/12/2012 và phụ lục hợp đồng thế chấp số N0141/2012/HĐTC-PL ngày 22/11/2013.

Đến ngày 21/11/2014 là ngày đến hạn trả gốc và lãi nhưng ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T đã vi phạm hợp đồng đã ký kết, không trả gốc và lãi đúng thời hạn. Do ông N, bà T vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T phải trả toàn bộ số nợ như sau:

Đối với hợp đồng tín dụng số 5228-LAV-201300588 tổng số tiền nợ là 827.652.777 đồng (trong đó tiền gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 327.652.777 đồng) tạm tính đến hết ngày 21/6/2018.

Đối với hợp đồng tín dụng số 5228-LAV-201300591, vào ngày 22/10/2015 ông Ngợi, bà Thúy trả 50.000.000 đồng tiền gốc. Tổng số tiền nợ còn lại là 419.875.001 đồng (trong đó tiền gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 169.875.001 đồng) tạm tính đến hết ngày 21/6/2018.

Tổng toàn bộ cả hai hợp đồng tín dụng là: 1.247.527.778 đồng (trong đó nợ gốc là 750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi qua hạn là 497.527.778 đồng) tạm tính đến hết ngày 21/6/2018 và toàn bộ lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 22/6/2018 cho đến khi ông N, bà T trả hết nợ.

Trường hợp vợ chồng ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N, chi nhánh L, Đắk Lắk được quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản bảo đảm tiền vay tại Hợp đồng thế chấp số N0141/2012/HĐTC ngày 11/11/2012, Hợp đồng thế chấp số N0141/2012/HĐTC ngày 13/11/2012 theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng đã ký là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi suất, trong thời hạn vay từ ngày 21/11/2013 (hợp đồng tín dụng số 5228-LAV-201300588) và ngày 22/11/2013 (hợp đồng tín dụng số 5228-LAV-201300591) cho đến nay ông Ngô Văn N và bà Đoàn Thị Hồng T mới trả cho Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc tại Hợp đồng tín dụng số 5228-LAV-201300591. Tính đến ngày 21/6/2018, theo hai hợp đồng tín dụng đã ký ông N, bà T còn nợ tổng số tiền là 1.247.527.778 đồng (trong đó nợ gốc là 750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi qua hạn là 497.527.778 đồng), tạm tính đến ngày 21/6/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông N, bà T nhưng ông N, bà T không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành làm việc cũng như hòa giải cho các đương sự được. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa phương thôn Q, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vào khoảng giữa năm 2015 ông N, bà T đã bỏ đi khỏi địa phương không thông báo và cũng không đăng ký tạm vắng với địa phương, hiện nay địa phương không biết ông N, bà T đang ở đâu. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì trường hợp của ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn. Như vậy buộc ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T phải trả cho Ngân hàng N, chi nhánh L, Đắk Lắk tổng số tiền là 1.247.527.778 đồng (trong đó nợ gốc là 750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi qua hạn là 497.527.778 đồng), tạm tính đến ngày 21/6/2018 và tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc phát sinh tính từ ngày 22/6/2018 cho đến khi ông N, bà T trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5228-LAV-201300588 ngày 21/11/2013 và hợp đồng tín dụng số 5228-LAV-201300591 ngày 22/11/2013, là phù hợp với Điều 471, Điều 474, Điều 478 BLDS năm 2005.

Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số N0141/2012/HĐTC ngày 11/11/2012, và Hợp đồng thế chấp số N0141/2012/HĐTC ngày 13/11/2012, việc thế chấp tài sản trên đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện K, tỉnh Đắk Lắk là đúng theo quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành, ông N, bà T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất kèm theo giấy CNQSDĐ số AI 669768, thửa đất số 452, tờ bản đồ số 06, diện tích 2.430m^2 , tọa lạc tại xã C, huyện K do UBND huyện K cấp ngày 30/7/2007 đứng tên ông Ngô Văn N và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất kèm theo giấy CNQSDĐ số BA 737944, thửa đất số 325, tờ bản đồ số 07, diện tích 250m^2, tọa lạc tại xã C, huyện K do UBND huyện K cấp ngày 23/9/2011 đứng tên ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để Ngân hàng N, chi nhánh L, Đắk Lắk thu hồi nợ là phù hợp với Điều 355, Điều 721 BLDS năm 2005.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Ngân hàng N, chi nhánh L, Đắk Lắk không phải chị án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân

hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.009.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0001399 ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Bị đơn ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T phải chịu 49.425.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 147 BLTTDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 355; Điều 471, Điều 474, Điều 478 và Điều 721 BLDS năm 2005; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 47 BLTTDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, chi nhánh L, Đắk Lắk.

- Buộc ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T phải trả cho Ngân hàng N, chi nhánh L, Đắk Lắk tổng số tiền là 1.247.527.778 đồng (trong đó nợ gốc là 750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi qua hạn là 497.527.778 đồng), tạm tính đến ngày 21/6/2018. Tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc phát sinh tính từ ngày 22/6/2018 cho đến khi ông Ngợi, bà Thúy trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký số 5228-LAV-201300588 ngày 21/11/2013 và hợp đồng tín dụng số 5228-LAV-201300591 ngày 22/11/2013.

Trường hợp vợ chồng ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N, chi nhánh L, Đắk Lắk được quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản bảo đảm tiền vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy CNQSDĐ số AI 669768, thửa đất số 452, tờ bản đồ số 06, diện tích 2.430m^2 , tọa lạc tại xã C, huyện K do UBND huyện K cấp ngày 30/7/2007, đứng tên ông Ngô Văn N và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy CNQSDĐ số BA 737944, thửa đất số 325, tờ bản đồ số 07, diện tích 250m^2, tọa lạc tại xã C, huyện K do UBND huyện K cấp ngày 23/9/2011, đứng tên ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T, thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số N0141/2012/HĐTC ngày 11/11/2012, và Hợp đồng thế chấp số N0141/2012/HĐTC ngày 13/11/2012 theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

[2]. Về án phí: Ông Ngô Văn N, bà Đoàn Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 49.425.800 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng N, chi nhánh L, Đắk Lắk số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.009.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0001399 ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sư.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Lê Anh Thái